

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ DĨ AN  
TỈNH BÌNH DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 236/2024/HS-ST  
Ngày 21-8-2024

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* bà Nguyễn Thị Thụy

*Các Hội thẩm nhân dân:*

- Ông Tô Văn Nhung;
- Bà Nguyễn Thị Thu Vân.

**- Thư ký phiên tòa:** ông Trần Hồng Sơn, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An tham gia phiên tòa:** bà Nguyễn Thị Ngọc Trân, Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 8 năm 2024 tại Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hình sự thụ lý số 236/2024/TLST-HS ngày 23 tháng 7 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 248/2024/QĐXXST-HS ngày 07 tháng 8 năm 2024 đối với bị cáo:

Trần Văn T, sinh năm: 1981 tại tỉnh Ninh Bình; thường trú: xóm A, xã L, huyện K, tỉnh Ninh Bình; nghề nghiệp: không; trình độ học vấn: 6/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: Công giáo; con ông Trần Văn T1, sinh năm: 1950 và bà Phạm Thị T2, sinh năm: 1953; bị cáo có 07 anh chị em ruột, lớn sinh năm 1970, nhỏ sinh năm 1988; có vợ là Phạm Thị V, sinh năm 1988 (đã ly hôn); bị cáo có 01 con, sinh năm 2007; tiền sự: ngày 15/9/2022, bị Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương ban hành Quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, thời gian chấp hành 16 tháng, chấp hành xong ngày 29/9/2023; tiền án: ngày 14/3/2019, bị Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An (nay là thành phố D), tỉnh Bình Dương xử phạt tù về tội Trộm cắp tài sản theo Bản án số 73/2019/HS-ST, bị cáo chấp hành xong hình phạt tù ngày 03/9/2019, nộp tiền án phí ngày 20/9/2019 và ngày 24/7/2020, bị Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương xử phạt tù về tội Trộm cắp tài sản theo Bản án số 283/2020/HS-ST, bị cáo chấp hành xong hình phạt tù ngày 22/3/2022, chưa thi hành tiền án phí và bồi thường; bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 05/3/2024; bị cáo có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

**- Bị hại:**

1. Ông Ngô Văn H, sinh năm 1966; thường trú: ấp C, xã T, huyện L, tỉnh Sóc Trăng; chỗ ở hiện nay: 6 đường N, khu phố Đ, phường Đ, thành phố D, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.

2. Ông Nguyễn Văn O, sinh năm 1981; thường trú: 286 ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Bến Tre; chỗ ở hiện nay: số D P, khu phố T, phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.

- *Người chứng kiến:*

1. Anh Nguyễn Hoàng M, vắng mặt.

2. Anh Nguyễn Hoàng Minh T3, vắng mặt.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bị cáo Trần Văn T không có nghề nghiệp và nơi cư trú nhất định. Từ giữa tháng 02/2024 đến ngày 05/3/2024, bị cáo T đã thực hiện 03 vụ trộm cắp tài sản, cụ thể như sau:

*Vụ thứ nhất:* khoảng 17 giờ một ngày (không nhớ rõ), vào khoảng giữa tháng 02/2024, bị cáo T điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda, biển số 53V5-2836 đi dạo trong khu vực Trung tâm hành chính thành phố D thuộc phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương. Khi đi đến phía trước 01 căn nhà (không nhớ địa chỉ) thuộc khu phố N, phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương, bị cáo T nhìn thấy trên bàn đá ở lề đường phía trước cửa căn nhà trên có 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 8 màu đen, không có người trông coi nên nảy sinh ý định lấy chiếm đoạt. Bị cáo T dựng xe mô tô cách bàn đá khoảng 5m và đi bộ đến bàn đá lén lút chiếm đoạt 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 8 màu đen, bỏ vào túi quần bên trái rồi nhanh chóng điều khiển xe tẩu thoát.

*Vụ thứ hai:* khoảng 01 giờ 00 phút, ngày 23/2/2024, bị cáo T đi bộ tìm chỗ ăn khuya tại khu vực khu phố T, phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương. Khi đến trước nhà số D, đường P, khu phố T, phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương, bị cáo T nhìn thấy ông Nguyễn Văn O, sinh năm 1981; thường trú: ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Bến Tre đang nằm ngủ trên võng trước mái hiên nhà, dưới đất ngay vị trí ông O nằm có 01 điện thoại di động hiệu Iphone 8plus màu vàng của ông O nên bị cáo T đi đến chỗ võng ông O đang nằm và lén lút chiếm đoạt chiếc điện thoại của ông O bỏ vào túi quần bên trái rồi tẩu thoát.

*Vụ thứ ba:* khoảng 02 giờ 00 phút ngày 01/3/2023, bị cáo T điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda, biển số 53V5-2836 đi tìm tài sản ai để sơ hở thì lấy trộm để bán. Đến khoảng 02 giờ 30 phút cùng ngày, bị cáo T đến trước dãy nhà trọ tại số F, đường N, khu phố Đ, phường Đ, thành phố D, tỉnh Bình Dương thì nhìn thấy phòng trọ 1B của ông Ngô Văn H, sinh năm 1966; thường trú: ấp C, xã T, huyện L, tỉnh Sóc Trăng, đang mở cửa. Lúc này, bị cáo T dừng xe ngoài đường rồi đi bộ vào phòng thì thấy ông H cùng vợ đang nằm ngủ trên nệm trên nền nhà, có 01 xe máy dựng trong phòng, trên yên xe có 01 ví da (bên trong ví có số tiền 5.000.000 đồng, 01 Căn cước công dân mang tên Ngô Văn H, 01 Giấy phép lái xe mang tên Ngô

Văn H và 01 giấy đăng ký xe biển số: 83Z1-014.17), bị cáo T lén lút lấy ví da bỏ vào túi quần phía sau bên phải và tiếp tục tìm kiếm tài sản để trộm cắp. Bị cáo T nhìn thấy 01 chiếc điện thoại di động hiệu Iphone 7 Plus để phía trên bàn thờ ông địa thì lén lút lấy điện thoại cất vào túi quần phía trước bên trái. Sau khi lấy trộm được tài sản, bị cáo T ra ngoài lên xe nhanh chóng tẩu thoát. Trên đường tẩu thoát, bị cáo T dừng xe lại để mở ví mới trộm giữ lại số tiền 5.000.000 đồng, cùng các giấy tờ còn cái ví da thì vứt bỏ (không xác định được vị trí). Số tiền chiếm đoạt được, bị cáo T đã tiêu xài cá nhân hết, còn điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7plus, bị cáo T cất giữ cho đến khi bị bắt.

Khoảng 02 giờ 00 phút ngày 05/3/2024, bị cáo T điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda, biển số 53V5-2836 đến khu vực đường P, thuộc khu phố Đ, phường Đ, thành phố D, tỉnh Bình Dương thì gặp Công an phường Đ tuần tra phát hiện, yêu cầu bị cáo T dừng xe kiểm tra. Lúc này, bị cáo T tự nguyện giao nộp 01 điện thoại nhãn hiệu Iphone 8 màu đen, 01 điện thoại nhãn hiệu Iphone 8 Plus màu vàng, 01 điện thoại nhãn hiệu Iphone 7 Plus màu hồng, 01 Căn cước công dân mang tên Ngô Văn H, 01 giấy phép lái xe mang tên Ngô Văn H và 01 giấy đăng ký xe biển số: 83Z1-014.17 và khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội. Công an phường Đ lập biên bản tiếp nhận người phạm tội đầu thú đối với bị cáo T. Sau đó, Công an phường Đ chuyển toàn bộ hồ sơ đến Cơ quan Cảnh sát điều tra công an thành phố D giải quyết theo thẩm quyền.

Vật chứng thu giữ:

- 01 điện thoại nhãn hiệu Iphone 8 màu đen.
- 01 điện thoại nhãn hiệu Iphone 8 Plus màu vàng.
- 01 điện thoại nhãn hiệu Iphone 7 Plus màu hồng.
- 01 Căn cước công dân mang tên Ngô Văn H, 01 giấy phép lái xe mang tên Ngô Văn H và 01 giấy đăng ký xe biển số: 83Z1-014.17.
- 01 xe mô tô hai bánh, biển số 53V5-2836, nhãn hiệu Honda, số loại FUTURE KFLR-KFLS màu sơn đen số máy: JA02E0105263, số khung: RLHJA0203YY105238, dung tích xi lanh 109 cm<sup>3</sup>.
- 01 máy tính bảng nhãn hiệu Samsung, màu xám đen.
- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Redmi, màu xanh đen.

Căn cứ Kết luận định giá tài sản số: 44/KLĐG-HĐĐGTS ngày 11/3/2024 của Hội đồng định giá tài sản thường xuyên trong tổ tụng hình sự UBND thành phố D kết luận: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 8 màu đen trị giá 1.300.000 đồng; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7 Plus màu hồng trị giá 1.700.000 đồng; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 8 Plus màu vàng trị giá 4.000.000 đồng.

Quá trình điều tra, bị cáo và bị hại không có ý kiến hay khiếu nại gì về Kết luận định giá tài sản số: 44/KLĐG-HĐĐGTS ngày 11/3/2024 của Hội đồng định giá tài sản thường xuyên trong tổ tụng hình sự UBND thành phố D.

Tại cáo trạng số: 248/CT – VKS - DA ngày 22 tháng 7 năm 2024, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương truy tố bị cáo Trần Văn T về tội

“Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Tại phiên tòa, trong phần tranh luận đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử: áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Trần Văn T với mức hình phạt tù 03 năm đến 03 năm 06 tháng tù.

\* Về xử lý vật chứng:

- Đối với 01 điện thoại nhãn hiệu Iphone 8 Plus màu vàng, là tài sản của bị hại ông Nguyễn Văn O. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D đã trả lại tài sản cho ông O nên không đề nghị xử lý;

- Đối với 01 điện thoại nhãn hiệu Iphone 7 Plus màu hồng; 01 Căn cước công dân mang tên Ngô Văn H, 01 giấy phép lái xe mang tên Ngô Văn H và 01 giấy đăng ký xe biển số: 83Z1-014.17, là tài sản của bị hại ông Ngô Văn H. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D đã trả lại tài sản cho ông H nên không đề nghị xử lý.

- Đối với 01 xe mô tô hai bánh, biển số 53V5-2836, nhãn hiệu Honda, số loại FUTURE KFLR-KFLS màu sơn đen số máy: JA02E0105263, số khung: RLHJA0203YY105238, dung tích xi lanh 109 cm<sup>3</sup>, là tài sản của bị cáo Trần Văn T mua lại không có làm hợp đồng mua bán, quá trình điều tra xác định tài sản trên do ông Đặng Quốc V1, sinh năm 1962, thường trú: số H, đường L, phường G, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh. Tuy nhiên, thời điểm xác minh ông V1 không có mặt tại địa phương, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D đã tiến hành đăng báo tìm chủ sở hữu theo quy định nhưng đến nay vẫn không có ai đến nhận nên đề nghị tịch thu sung vào Ngân sách Nhà nước theo quy định.

- Đối với 01 máy tính bảng nhãn hiệu Samsung, màu xám đen và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Redmi, màu xanh đen, là tài sản của bị cáo Trần Văn T, không liên quan đến vụ án, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D trả lại tài sản cho bị cáo T nên không đề nghị xem xét, giải quyết.

- Đối với 01 điện thoại nhãn hiệu Iphone 8 màu đen, bị cáo T khai nhận lấy trộm của người khác. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D đã thông báo truy tìm bị hại, đăng báo tìm chủ sở hữu nhưng đến nay chưa xác định được chủ sở hữu hợp pháp. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D tiếp tục xác minh làm rõ, xử lý sau.

\* Về trách nhiệm dân sự: bị hại ông Nguyễn Văn O và ông Ngô Văn H đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu gì thêm nên vấn đề trách nhiệm dân sự không đặt ra.

Trong quá trình điều tra, bị cáo T thừa nhận hành vi phạm tội của mình như Cáo trạng đã truy tố. Tại đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt bị cáo T cũng thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, và mong Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố D, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra bị cáo, bị hại không có ý kiến hay khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Căn cứ xác định hành vi phạm tội của bị cáo:

Khoảng 01 giờ 00 phút, ngày 23/02/2024 tại nhà số D, đường P, khu phố T, phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương bị cáo Trần Văn T có hành vi lén lút chiếm đoạt 01 điện thoại di động hiệu Iphone 8plus màu vàng trị giá 4.000.000 đồng của ông Nguyễn Văn O; khoảng 02 giờ 00 phút, ngày 01/3/2023 tại phòng trọ 1B, số F, đường N, khu phố Đ, phường Đ, thành phố D, tỉnh Bình Dương bị cáo Trần Văn T có hành vi lén lút chiếm đoạt 01 điện thoại nhãn hiệu Iphone 7 Plus màu hồng trị giá 1.700.000 đồng, 01 Căn cước công dân mang tên Ngô Văn H, 01 giấy phép lái xe mang tên Ngô Văn H, 01 giấy đăng ký xe biển số: 83Z1-014.17 và số tiền 5.000.000 đồng của ông Ngô Văn H. Tổng giá trị tài sản chiếm đoạt là 10.700.000 đồng.

Như vậy, hành vi của bị cáo lén lút chiếm đoạt tài sản có tổng giá trị 10.700.000 đồng của bị hại, bị cáo tái phạm nguy hiểm đã đủ yếu tố cấu thành tội Trộm cắp tài sản theo điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Cáo trạng số: 248/CT – VKS - DA ngày 22 tháng 7 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương và luận tội của Kiểm sát viên đề nghị đối với bị cáo là có căn cứ đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Tính chất, mức độ của hành vi: tội phạm do bị cáo thực hiện là nghiêm trọng, đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của bị hại được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an tại địa phương. Bị cáo là người có năng lực trách nhiệm hình sự nhận thức rõ hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật, nhưng vẫn cố ý thực hiện. Vì vậy, cần xử phạt bị cáo mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ tội phạm đã thực hiện, có xét đến các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo.

[4] Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: bị cáo phạm tội 02 lần trở lên, quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

[5] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: tại cơ quan điều tra bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đầu thú. Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, Hội đồng xét xử sẽ áp dụng để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo thể hiện chính sách khoan hồng của pháp luật đối với người phạm tội.

[6] Về nhân thân: bị cáo không nghề nghiệp, có tiền án, tiền sự.

[7] Về vật chứng:

- Xét 01 điện thoại nhãn hiệu Iphone 8 Plus màu vàng, là tài sản của bị hại ông Nguyễn Văn O. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D đã trả lại tài sản cho ông O nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết;

- Xét 01 điện thoại nhãn hiệu Iphone 7 Plus màu hồng; 01 Căn cước công dân mang tên Ngô Văn H, 01 giấy phép lái xe mang tên Ngô Văn H và 01 giấy đăng ký xe biển số: 83Z1-014.17, là tài sản của bị hại ông Ngô Văn H. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D đã trả lại tài sản cho ông H nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết;

- Xét 01 xe mô tô hai bánh, biển số 53V5-2836, nhãn hiệu Honda, số loại FUTURE KFLR-KFLS màu sơn đen số máy: JA02E0105263, số khung: RLHJA0203YY105238, dung tích xi lanh 109 cm<sup>3</sup>, là tài sản của bị cáo Trần Văn T mua lại không có làm hợp đồng mua bán, quá trình điều tra xác định tài sản trên do ông Đặng Quốc V1, sinh năm 1962, thường trú: số H, đường L, phường G, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh. Tuy nhiên, thời điểm xác minh ông V1 không có mặt tại địa phương, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D đã tiến hành đăng báo tìm chủ sở hữu theo quy định nhưng đến nay vẫn không có ai đến nhận nên cần tịch thu sung vào Ngân sách Nhà nước.

- Xét 01 máy tính bảng nhãn hiệu Samsung, màu xám đen và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Redmi, màu xanh đen, là tài sản của bị cáo Trần Văn T, không liên quan đến vụ án, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D trả lại tài sản cho bị cáo T nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

- Xét 01 điện thoại nhãn hiệu Iphone 8, màu đen, trị giá 1.300.000 đồng, bị cáo T khai nhận lấy trộm của người khác. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D đã thông báo truy tìm bị hại, đăng báo tìm chủ sở hữu nhưng đến nay chưa xác định được chủ sở hữu hợp pháp. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D tiếp tục xác minh làm rõ, xử lý sau là đúng quy định nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[8] Trách nhiệm dân sự: bị hại ông Nguyễn Văn O và ông Ngô Văn H đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu gì nên trách nhiệm dân sự không đặt ra. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[9] Về hình phạt:

- Hình phạt chính: xét bị cáo phạm tội nghiêm trọng, xâm phạm đến tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, bản thân bị cáo đã bị xét xử về tội trộm cắp tài sản, hành vi phạm tội của bị cáo ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương. Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định áp dụng hình phạt tù đối với bị cáo, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới đủ để giáo dục, cải tạo bị cáo thành công dân có ích cho gia đình, xã hội và có tác dụng đấu tranh, phòng ngừa chung.

- Về hình phạt bổ sung: theo quy định tại khoản 5 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017: “Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng”. Tuy nhiên áp dụng phạt tù cũng đủ

để răn đe, giáo dục bị cáo nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[10] Xét đề nghị Viện kiểm sát về tội danh, điều luật áp dụng, các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo, xử lý vật chứng, trách nhiệm dân sự và mức hình phạt là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[11] Án phí sơ thẩm: bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội khoá 14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Tuyên bố bị cáo Trần Văn T phạm tội Trộm cắp tài sản.

Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Trần Văn T 03 (ba) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 05/3/2024.

2. Xử lý vật chứng: áp dụng điểm c khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Tịch thu sung vào Ngân sách Nhà nước 01 xe mô tô hai bánh, biển số 53V5-2836, nhãn hiệu Honda, số loại FUTURE KFLR-KFLS, số máy: JA02E-0105263, số khung: RLHJA0203YY105238, dung tích xi lanh 109 cm3.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 04/8/2024 giữa Công an thành phố D với Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Dĩ An).

3. Về án phí hình sự sơ thẩm: áp dụng khoản 2 Điều 135 Bộ luật Tố tụng Hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội khoá 14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Trần Văn T phải nộp 200.000 (hai trăm nghìn) đồng.

4. Bị cáo, bị hại vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

#### **Nơi nhận:**

- VKSND thành phố Dĩ An;
- Công an thành phố Dĩ An;
- Chi cục THA dân sự thành phố Dĩ An;
- Trại tạm giam CA tỉnh BD;
- TAND tỉnh BD;
- UBND nơi bị cáo cư trú;
- Phòng PV 27 CA tỉnh BD;
- Phòng PC 81 CA tỉnh BD;
- Người tham gia tố tụng;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Thụy**

- Sở tư pháp tỉnh Bình Dương;
- VKS nhân dân tỉnh Bình Dương;
- Lưu: VT, HS.